

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2025.

Về việc: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Hưng và bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 357/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: thôn PhQuC, xã NgGi, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn D**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: thôn HNh, xã TĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Phạm Văn D sau thời gian tìm hiểu 06 tháng thì tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/7/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, anh D thường xuyên xúc phạm, chửi bới, lăng mạ, coi thường chị, không có trách nhiệm với chị, không chịu khó làm ăn và không đi làm gì. Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt,

luôn căng thẳng và áp lực. Anh D còn đánh chị nhiều lần rồi lại xin lỗi chị nhưng sau đó vẫn không sửa đổi tính nết. Do mâu thuẫn nên vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay, chị không còn ở cùng nhà với anh D mà đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị. Anh D đến tìm chị nhưng tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống. Chị có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Biên bản lấy lời khai, anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã TĐ, huyện TK. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc nên chị Th làm đơn xin ly hôn với anh, anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Anh D cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về quan hệ con chung: Chị Th và anh D đều trình bày anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: chị Th và anh D đều trình bày anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Đức B là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị Th và anh D sau thời gian tìm hiểu 06 tháng thì tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/7/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, anh D thường xuyên xúc phạm, chửi bới, lăng mạ, coi thường và không có trách nhiệm với chị Th, không chịu khó làm ăn. Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, luôn căng thẳng và áp lực. Anh D còn đánh chị Th nhiều lần rồi lại xin lỗi nhưng sau đó vẫn không sửa đổi tính nết. Do mâu thuẫn nên vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh chị đã sống ly thân, chị Th không còn ở cùng nhà với anh D nữa mà đã về nhà ông bà ở nhờ, tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt. Nay, chị Th xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của chị Th để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Về con chung, chị Th và anh D không có con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với ông bà thì anh chị đều không có.

Tại Biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Ch là mẹ đẻ của anh Phạm Văn D trình bày: Năm 2022, anh D kết hôn với chị Th. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã TĐ đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống vui vẻ, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do anh chị đều đã kết hôn lần thứ 2 nên có mâu thuẫn, không thông cảm, chia sẻ cuộc sống cùng nhau. Chị Th đã tự ý về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, chị Th có đơn xin ly hôn anh D, việc ly hôn là của anh chị, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh D, chị Th. Anh chị không có con chung, tài sản chung.

Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TĐ thể hiện: Chị Th và anh D có hộ khẩu và thường trú tại thôn HNh, xã TĐ, huyện TK. Năm 2022, anh D và chị Th kết hôn với nhau, việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã TĐ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2022. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn HNh, xã TĐ, huyện TK. Cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Th và anh D đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh D nhất trí. Ngoài ra, chị Th không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Phạm Văn D. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày hôm nay 10/01/2025. Tại phiên tòa hôm nay, chị Th và anh D đều có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Th và anh D theo quy định tại Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Văn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/07/2022 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, anh D thường xuyên xúc phạm, chửi bới, lăng mạ, coi thường, không có trách nhiệm với chị Th, không chịu khó làm ăn, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, căng thẳng và áp lực. Vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai, chị Th đã về nhà bố mẹ ở nhờ. Chị Th xin ly hôn, anh D nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh D đều trình bày anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: chị Th và anh D đều trình bày anh chị không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn anh Phạm Văn D nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005769 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK. Chị Nguyễn Thị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Th và anh D. Chị Th và anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- UBND xã TĐ, huyện TK;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh